

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **68/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 12- 3- 2025

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Trung Thành.

2. Ông Huỳnh Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Quốc Hiên- Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 551/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXX- ST ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Đ** sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn M** sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Thị Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn M chung sống với nhau năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML vào ngày 12/7/2001. Từ năm 2002, vợ chồng sống bên gia đình chị, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M không lo làm ăn, hay ăn nhậu, nhậu về chửi chị và cha mẹ chị, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên chị đi lên Thành phố H làm việc và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân,

vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được, không có tiếng nói chung, gặp nhau là cự cãi. Nay yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Quốc H sinh ngày 04/01/2001 và Lê Thị Ngọc T sinh ngày 04/10/2003. Hiện các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Lê Văn M đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ và anh Lê Văn M chung sống với nhau năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML vào ngày 12/7/2001 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Đ và anh M theo chị Đ xác định là do anh M không lo làm ăn, hay ăn nhậu, nhậu về chửi chị và cha mẹ chị, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên chị đi lên Thành phố H làm việc và vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2019 cho đến nay. Thời gian chị Đ và anh M sống ly thân đến nay đã lâu nhưng không hàn gắn, đoàn tụ được. Anh M không có ý kiến mặt dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, điều đó thể hiện ý chí của anh M là không muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, 02 con chung là Lê Quốc H sinh ngày 04/01/2001 và Lê Thị Ngọc T sinh ngày 04/10/2003, hiện đã thành niên. Chị Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Lê Văn M.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0015949 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang xem như chị Đ đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Phạm Thị Đ được tính từ ngày tuyên án; đối với anh Lê Văn M được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã ML;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi